

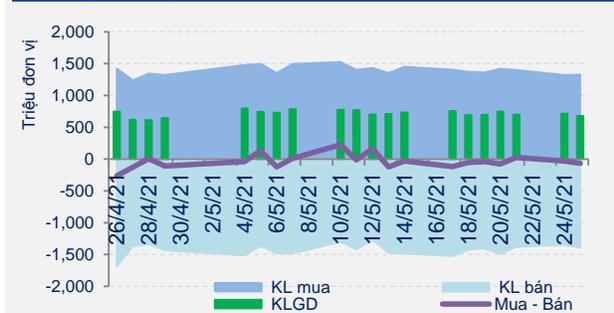
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/5/2021

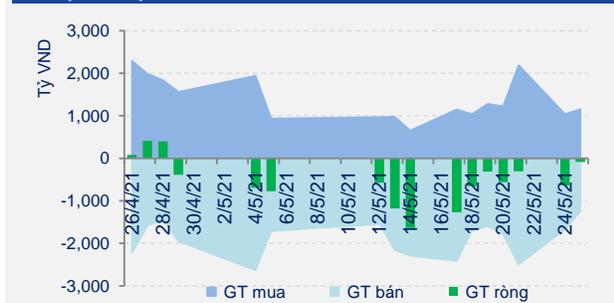
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,308.58 | 301.59 |
| % Thay đổi | ↑ 0.82% | ↑ 0.42% |
| KLGD (CP) | 679,062,580 | 131,070,683 |
| GTGD (tỷ đồng) | 21,246.35 | 2,896.60 |
| Tổng cung (CP) | 1,390,253,700 | 204,742,900 |
| Tổng cầu (CP) | 1,325,054,400 | 165,166,000 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 28,174,333 | 1,644,522 |
| KL mua (CP) | 25,557,300 | 833,650 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,152.84 | 27.54 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,237.21 | 55.60 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (84.37) | (28.06) |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.31% | 20.3 | 3.3 | 1.2% |
| Công nghiệp | ↑ 0.08% | 17.5 | 2.5 | 7.0% |
| Dầu khí | ↑ 0.53% | 24.2 | 1.9 | 3.9% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.06% | - | 9.3 | 2.3% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.28% | 16.1 | 2.4 | 0.5% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.53% | 19.7 | 4.1 | 7.8% |
| Ngân hàng | ↑ 1.58% | 13.5 | 2.5 | 29.9% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 1.86% | 14.6 | 2.6 | 19.8% |
| Tài chính | ↓ -0.06% | 19.2 | 3.4 | 26.5% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 0.91% | 14.4 | 2.2 | 1.1% |
| VN - Index | ↑ 0.82% | 17.6 | 3.2 | |
| HNX - Index | ↑ 0.42% | 16.4 | 3.6 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ năm liên tiếp với thanh khoản có sự suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 10,6 điểm (+0,82%) lên 1.308,58 điểm; HNX-Index tăng 1,26 điểm (+0,42%) lên 301,59 điểm. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 756 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt 21.995 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là trung tính với 329 mã tăng, 120 mã tham chiếu, 314 mã giảm. Thị trường giảm nhẹ vào đầu phiên nhưng nhanh chóng bật tăng trở lại ngay sau đó và đà tăng được duy trì đến hết phiên giúp VN-Index kết phiên ở mức cao nhất trong lịch sử. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán thu hút dòng tiền tốt nhất với nhiều mã tăng như ACB (+1,3%), BID (+1,5%), BVS (+6,1%), CTS (+4,2%), HCM (+0,7%), SSI (+2,8%), MBS (+2,1%), MBB (+3%), VND (+1,1%), TCB (+1,4%), VPB (+0,1%), VCI (+1,8%)... Bên cạnh đó, một số Bluechips như BVH (+1,7%), FPT (+0,3%), GAS (+1,1%), HPG (+3,1%), MSN (+1,4%), VIC (+0,2%), VRE (+1,1%), POW (+0,8%), NVL (+0,4%)... cũng đồng thuận tăng giá giúp sắc xanh thị trường được duy trì cho đến hết phiên. Một số nhóm ngành khác như dầu khí, thép...cũng tăng giá khá tốt giúp thị trường thêm phần sôi động. Ở chiều ngược lại, nhóm bất động sản, xây dựng giao dịch có phần chững lại trong phiên hôm nay sau khi bùng nổ phiên giao dịch trước đó.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index tăng điểm phiên thứ năm liên tiếp và hiện kết phiên ở ngay dưới ngưỡng 1.310 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay có sự suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy nhà đầu tư có sự thận trọng hơn ở vùng giá cao hiện tại nên không giải ngân mạnh như các phiên trước đó nữa. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target của đợt tăng này là trong khoảng 1.320-1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) nên xác suất để thị trường tăng điểm trong phiên tới được đánh giá cao hơn. Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 26/5, thị trường có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hoàn thành sóng tăng 5. Nhà đầu tư đã mua vào các vị thế ngắn hạn khi thị trường điều chỉnh về quanh ngưỡng 1.250 điểm (MA20) trong phiên 18/5 tiếp tục nắm giữ và có thể canh chốt lời nếu thị trường có nhịp tăng tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.320-1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Nhà đầu tư với tỷ trọng tiền mặt lớn hạn chế mua đuổi và chờ đợi những nhịp điều chỉnh về các mức giá hấp dẫn hơn.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **25/5/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.297,23 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần lên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 10,6 điểm (+0,82%) lên 1.308,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 2.400 đồng, HPG tăng 2.000 đồng, MBB tăng 1.050 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM giảm 1.400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 301,874 điểm. Thời điểm cuối phiên sáng và đầu phiên chiều chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 299,774 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,26 điểm (+0,42%) lên 301,59 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 200 đồng, THD tăng 800 đồng, NVB tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 200 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 84,37 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,6 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 105,9 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 82,9 tỷ đồng tương ứng với 682 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PLX là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 122,7 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 28,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 811 nghìn cổ phiếu. VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 40,4 tỷ đồng tương ứng với 895 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 2,5 tỷ đồng tương ứng với 109 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 11,2 tỷ đồng tương ứng với 57 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ năm liên tiếp với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh, giá tăng một phần do hoạt động tiết cung từ nhà đầu tư.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3).

Vi sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021.

Do thị trường đóng cửa hai tuần liên tiếp nằm trên ngưỡng 1.250 điểm nên đây là tín hiệu để xác nhận việc thị trường nối dài sóng tăng 5 với target của đợt tăng này quanh ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 26/5, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để hoàn thành sóng tăng 5.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.260 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.235 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

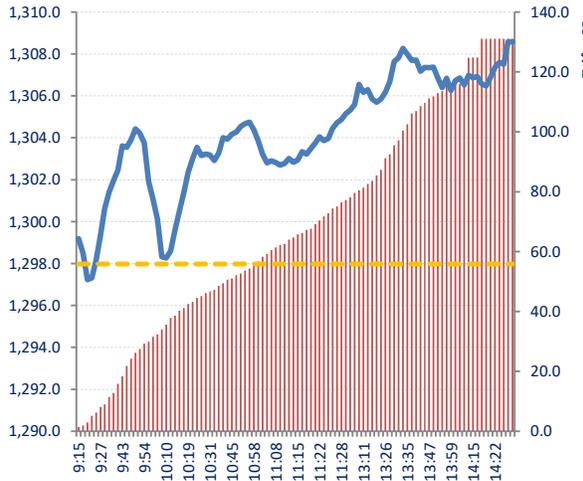
| | |
|-------------------------------------|--|
| Giá vàng trong nước tăng | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,1 - 56,4 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm giảm 2 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 25/5 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.158 VND/USD, giảm 2 đồng so với cùng thời điểm hôm qua. |

TIN QUỐC TẾ

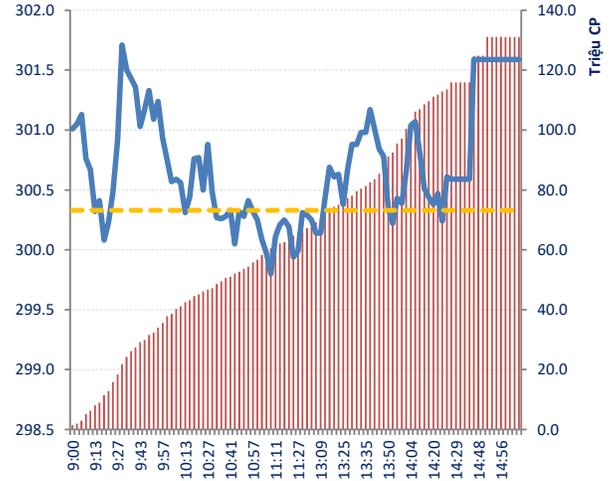
| | |
|----------------------------------|---|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,55 USD/ounce tương ứng với 0,03% xuống 1.884,15 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,243 điểm tương ứng 0,27% xuống 89,595 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2257 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,4178 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 108,81 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,5 USD/thùng tương ứng với 0,76% xuống 65,56 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 24/5, Dow Jones tăng 186,14 điểm tương đương 0,54% lên 34.393,98 điểm. Nasdaq tăng 190,18 điểm tương đương 1,41% lên 13.661,17 điểm. Nasdaq Composite tăng 41,19 điểm tương đương 0,99% lên 4.197,05 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

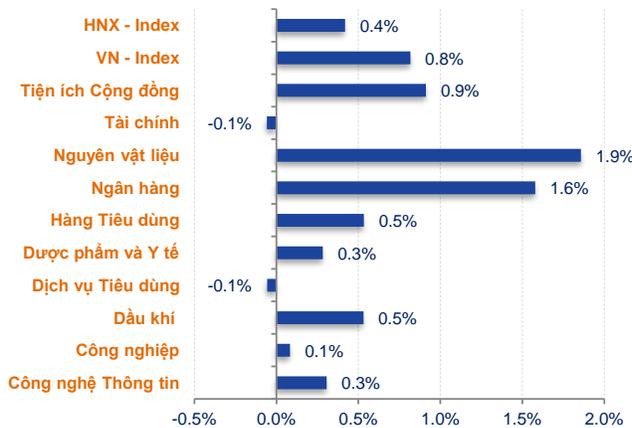
KLGD và VN-Index trong phiên



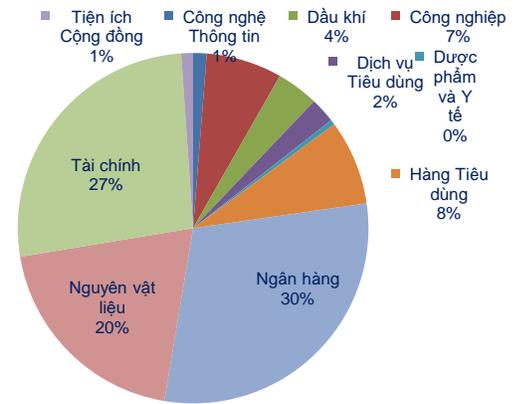
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



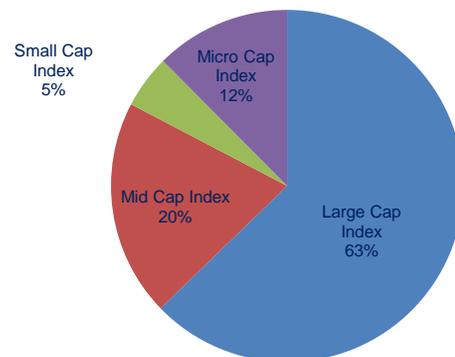
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|----------|-------------|
| 1 | PLX | 2,187,600 | FUESSVFL | 2,509,900 |
| 2 | VRE | 746,500 | DXG | 2,029,500 |
| 3 | SZC | 443,900 | HPG | 1,595,400 |
| 4 | DLG | 416,000 | CII | 1,029,300 |
| 5 | VNM | 366,400 | CTG | 733,500 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVI | 115,100 | VND | 894,900 |
| 2 | PAN | 70,500 | PVC | 123,400 |
| 3 | THD | 57,100 | PVS | 109,400 |
| 4 | THT | 54,200 | BNA | 34,000 |
| 5 | BVS | 22,100 | KVC | 15,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| VPB | 66.70 | 66.80 | ↑ 0.15% | 33,498,700 |
| STB | 28.90 | 29.35 | ↑ 1.56% | 27,023,100 |
| HPG | 65.40 | 67.40 | ↑ 3.06% | 26,852,700 |
| MBB | 34.75 | 35.80 | ↑ 3.02% | 23,053,800 |
| ROS | 6.88 | 6.61 | ↓ -3.92% | 21,259,100 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 29.20 | 29.40 | ↑ 0.68% | 21,444,052 |
| PVS | 21.90 | 22.70 | ↑ 3.65% | 15,843,455 |
| NVB | 17.40 | 18.00 | ↑ 3.45% | 11,421,746 |
| SHS | 33.50 | 34.10 | ↑ 1.79% | 8,916,409 |
| KLF | 5.20 | 5.10 | ↓ -1.92% | 7,379,310 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| DCL | 38.60 | 41.30 | 2.70 | ↑ 6.99% |
| TMP | 42.95 | 45.95 | 3.00 | ↑ 6.98% |
| PSH | 26.50 | 28.35 | 1.85 | ↑ 6.98% |
| COM | 42.95 | 45.95 | 3.00 | ↑ 6.98% |
| PIT | 5.60 | 5.99 | 0.39 | ↑ 6.96% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| PEN | 8.10 | 9.10 | 1.00 | ↑ 12.35% |
| MHL | 5.00 | 5.50 | 0.50 | ↑ 10.00% |
| PSW | 7.10 | 7.80 | 0.70 | ↑ 9.86% |
| BTW | 34.60 | 38.00 | 3.40 | ↑ 9.83% |
| VTL | 13.50 | 14.80 | 1.30 | ↑ 9.63% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| TTE | 9.83 | 9.15 | -0.68 | ↓ -6.92% |
| GTA | 15.00 | 14.00 | -1.00 | ↓ -6.67% |
| KMR | 6.00 | 5.61 | -0.39 | ↓ -6.50% |
| VSI | 21.00 | 19.70 | -1.30 | ↓ -6.19% |
| VDP | 37.50 | 35.50 | -2.00 | ↓ -5.33% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| THS | 47.00 | 42.30 | -4.70 | ↓ -10.00% |
| TPP | 11.20 | 10.10 | -1.10 | ↓ -9.82% |
| SMT | 9.50 | 8.60 | -0.90 | ↓ -9.47% |
| SJ1 | 16.40 | 14.90 | -1.50 | ↓ -9.15% |
| VE3 | 7.80 | 7.10 | -0.70 | ↓ -8.97% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|-------|-----|
| VPB | 33,498,700 | 21.9% | 4,627 | 14.4 | 2.9 |
| STB | 27,023,100 | 3250.0% | 1,495 | 19.3 | 1.8 |
| HPG | 26,852,700 | 31.1% | 5,472 | 12.0 | 3.3 |
| MBB | 23,053,800 | 20.4% | 3,635 | 9.6 | 1.8 |
| ROS | 21,259,100 | 0.3% | 35 | 197.6 | 0.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHB | 21,444,052 | 14.2% | 1,785 | 16.4 | 2.2 |
| PVS | 15,843,455 | 5.2% | 1,427 | 15.3 | 0.8 |
| NVB | 11,421,746 | 0.3% | 27 | 652.3 | 1.7 |
| SHS | 8,916,409 | 30.8% | 4,721 | 7.1 | 1.9 |
| KLF | 7,379,310 | -0.6% | (60) | - | 0.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| DCL | ↑ 7.0% | 7.5% | 1,246 | 31.0 | 2.2 |
| TMP | ↑ 7.0% | 14.0% | 3,038 | 14.1 | 2.0 |
| PSH | ↑ 7.0% | 2.8% | 349 | 75.9 | 2.1 |
| COM | ↑ 7.0% | 9.8% | 3,113 | 13.8 | 1.3 |
| PIT | ↑ 7.0% | 0.9% | 73 | 76.5 | 0.7 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| PEN | ↑ 12.3% | 8.8% | 1,431 | 6.4 | 0.6 |
| MHL | ↑ 10.0% | 2.3% | 280 | 17.8 | 0.4 |
| PSW | ↑ 9.9% | 5.8% | 683 | 10.4 | 0.6 |
| BTW | ↑ 9.8% | 13.3% | 2,937 | 11.8 | 1.5 |
| VTL | ↑ 9.6% | -42.3% | (2,912) | - | 3.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|--------|---------|------|-----|
| PLX | 2,187,600 | 14.6% | 2,913 | 19.3 | 2.6 |
| VRE | 746,500 | 9.2% | 1,175 | 26.2 | 2.3 |
| SZC | 443,900 | 16.8% | 2,119 | 17.0 | 2.7 |
| DLG | 416,000 | -30.3% | (2,790) | - | 0.3 |
| VNM | 366,400 | 33.1% | 5,222 | 17.5 | 5.6 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| PVI | 115,100 | 12.2% | 3,925 | 8.5 | 1.0 |
| PAN | 70,500 | 3.2% | 928 | 27.3 | 0.9 |
| THD | 57,100 | 51.6% | 10,779 | 18.2 | 12.1 |
| THT | 54,200 | 9.9% | 1,413 | 6.2 | 0.6 |
| BVS | 22,100 | 7.2% | 1,839 | 12.4 | 0.8 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 412,995 | 5.2% | 1,969 | 62.0 | 3.0 |
| VCB | 361,245 | 22.1% | 5,708 | 17.1 | 3.6 |
| VHM | 348,688 | 31.2% | 8,023 | 13.2 | 3.7 |
| HPG | 216,689 | 31.1% | 5,472 | 12.0 | 3.3 |
| CTG | 190,638 | 20.8% | 4,761 | 10.8 | 2.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 68,530 | 51.6% | 10,779 | 18.2 | 12.1 |
| SHB | 56,226 | 14.2% | 1,785 | 16.4 | 2.2 |
| BAB | 18,208 | 7.7% | 897 | 28.7 | 2.1 |
| VCS | 15,360 | 39.6% | 9,561 | 10.0 | 3.6 |
| IDC | 10,950 | 7.2% | 1,035 | 35.3 | 2.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| EVG | 3.31 | 2.1% | 270 | 41.8 | 0.9 |
| TDC | 2.67 | 14.7% | 1,873 | 9.9 | 1.4 |
| CTS | 2.45 | 18.7% | 2,444 | 6.8 | 1.2 |
| FIT | 2.42 | 1.5% | 245 | 48.1 | 0.7 |
| PVD | 2.35 | 0.4% | 134 | 149.9 | 0.6 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|--------|-------|------|
| LUT | 2.90 | 0.1% | 6 | 794.1 | 0.4 |
| VIG | 2.73 | -2.0% | (113) | - | 0.9 |
| THD | 2.32 | 51.6% | 10,779 | 18.2 | 12.1 |
| WSS | 2.29 | -0.5% | (45) | - | 0.7 |
| PVL | 2.23 | 1.3% | 59 | 63.0 | 0.8 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
